

Phụ lục 9

(Kèm theo Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Công Thương)

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

ZINC SULFATE MONOHYDRATE		Logo của doanh nghiệp	
Số CAS: 7446-20-0 Số UN: Số đăng ký EC: 231-793-3 Số chỉ thị nguy hiểm của các tổ chức xếp loại (nếu có): Số đăng ký danh mục quốc gia khác (nếu có):			
I. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT			
Tên thường gọi của chất: Zinc Sulphate Monohydrate Tên thương mại : Zinc Sulphate monohydrate Tên khác (không là tên khoa học): Xuất xứ: Trung Quốc Mục đích sử dụng: Dùng trong sản xuất công nghiệp, phân bón...		Mã sản phẩm (nếu có) Tên nhà Phân phối: Công Ty TNHH Hoa Việt Chemgroup Địa chỉ liên hệ: A2/11Y, tổ 3, ấp 1, xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh, TP Hồ Chí Minh Điện thoại: 0898.517.996	
II. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN HÓA CHẤT			
Tên thành phần hóa chất	Số CAS	CTHH	Hàm lượng (% theo trọng lượng)
Zinc Sulphate	7733-02-0	ZnSO ₄	99%
III. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT			
1. Mức xếp loại nguy hiểm (Theo số liệu có sẵn của các quốc gia, tổ chức thử nghiệm. Ví dụ: EU, Mỹ, OSHA...) Phân loại theo hệ thống hài hòa toàn cầu GHS: - Độc cấp tính (Miệng) (Cấp 4) - Tồn thương nghiêm trọng/kích ứng mắt (Cấp 1) - Độc tính sinh sản (Cấp 2) - Ảnh hưởng đến hoặc qua sữa mẹ (Cấp 1) - Độc tính đến cơ quan cụ thể sau phơi nhiễm đơn (Cấp 2) - Độc tính đến cơ quan cụ thể sau phơi nhiễm lặp lại (Cấp 1) - Nguy hại cấp tính đối với môi trường thủy sinh (Cấp 1) - Nguy hại mãn tính đối với môi trường thủy sinh (Cấp 1) Theo HMIS (Mỹ): - Sức khỏe : 2 - Dễ cháy : 0 - Phản ứng : 0 - Bảo vệ cá nhân : E			

2. Cảnh báo nguy hiểm



- Hình đồ cảnh báo:
- Từ cảnh báo: H302: Có hại nếu nuốt phải, H318: Gây tổn thương nghiêm trọng kích ứng mắt, H361: Nghi ngờ gây tổn hại khả năng cho cơ quan sinh sản, H371: Có thể gây tổn hại cho các cơ quan, H400: Rất độc cho sinh vật dưới nước, H410: Rất độc cho sinh vật thủy sinh
- **Cảnh báo nguy hiểm:**
- Cháy, nổ hoặc độc khi tiếp xúc: Chất rắn, không dễ cháy
- Có hại nếu nuốt phải, gây bỏng da nặng và tổn thương mắt, độc nếu hít phải, ăn mòn đường hô hấp.
- Lưu ý khi tiếp xúc, bảo quản, sử dụng: tuân thủ luật PCCC và mang đầy đủ đồ Bảo hộ lao động.

3. Các đường tiếp xúc và triệu chứng

- Đường mắt: ít nguy hại
- Đường thở: ít nguy hại
- Đường da: ít nguy hại
- Đường tiêu hóa: Có thể gây kích ứng đường tiêu hóa
- Đường tiết sữa: Phụ nữ mang thai và có con nhỏ hạn chế tiếp xúc

IV. BIỆN PHÁP SƠ CỨU Y TẾ

1. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường mắt

Kiểm tra và tháo bỏ kính sát trùng. Khi bị tiếp xúc với mắt phải rửa mắt ngay với nhiều nước ít nhất trong 15 phút, có thể sử dụng nước lạnh. Gặp bác sĩ chuyên khoa.

2. Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da

Rửa bằng xà phòng và nước, xoa vùng da bị nhiễm bằng thuốc làm mềm, có thể sử dụng nước lạnh. Cởi bỏ quần áo, giày dép bị nhiễm, giặt sạch quần áo trước khi sử dụng lại. Gọi trợ giúp y tế nếu có những kích ứng phát triển.

3. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp

- Chuyển nạn nhân ra khỏi khu vực nguy hiểm tới nơi thoáng mát. Phải thực hiện hô hấp nhân tạo nếu nạn nhân ngừng thở. Nếu nạn nhân khó thở cho nạn nhân thở bình oxy. Gọi sự trợ giúp của y tế.

4. Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa

- Nếu nuốt phải không được để nạn nhân nôn mửa, trừ khi được phép bởi nhân viên y tế. Không bao giờ cho bất cứ thứ gì vô miệng khi nạn nhân bất tỉnh. Nếu nuốt số lượng lớn cần gọi cấp cứu ngay. Nói lỏng quần áo, cổ áo, cà vạt, thắt lưng.

V. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

1. Xếp loại về tính cháy: chất rắn không dễ cháy.

2. Sản phẩm tạo ra khi bị cháy: không có

3. Các tác nhân gây cháy, nổ: không có

Rủi ro của vụ nổ của sản phẩm trong sự hiện diện của các tác động cơ học: Không. Rủi ro của vụ nổ của sản phẩm trong sự hiện diện của phóng tĩnh: Không.
Hơi nổ trong sự hiện diện của nhiệt.

4. Các chất dập cháy thích hợp và hướng dẫn biện pháp chữa cháy, biện pháp kết hợp khác:
Chưa có thông tin.

5. Phương tiện, trang phục bảo hộ cần thiết khi chữa cháy: Chưa có thông tin

6. Các lưu ý đặc biệt về cháy, nổ:

* **Nhận xét đặc biệt về mối nguy hiểm cháy** Không dễ cháy

* **Nhận xét đặc biệt về mối nguy hiểm cháy** Có thể phát nổ khi trộn với cao su clo . Zinc Oxide và Magiê có thể phản ứng bùng nổ khi bị nung nóng ..

VI. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ**1. Khi tràn đổ, rò rỉ ở mức nhỏ**

Sử dụng các công cụ thích hợp xúc bỏ hóa chất đổ rơi vào trong một thùng chứa chất thải .

. Lau sạch bằng nước trên bề mặt bị nhiễm bẩn và xử lý thải bỏ theo qui định của pháp luật.

2. Khi tràn đổ, rò rỉ lớn ở diện rộng

Sử dụng một cái xẻng để đưa hóa chất đổ rơi vào thùng chứa chất thải .Kết thúc làm sạch bằng cách lau nước trên bề mặt bị nhiễm bẩn và cho phép sơ tán thông qua hệ thống cống.

VII. YÊU CẦU VỀ CẤT GIỮ**1. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm**

Thận trọng không hít bụi của chất này, không bao giờ thêm nước vào chất này, có hệ thống thông gió tốt để kiểm soát và ngăn ngừa tràn đổ, rò rỉ hoá chất trong khu vực làm việc. Nên sử dụng thiết bị bảo hộ phù hợp với đường hô hấp. Đừng hít thở khí /khói/hoi của chất này phun ra. Găng tay, ủng, kính, áo khoác, tạp dề hoặc quần áo liền mảnh cần phải được sử dụng khi tiếp xúc. Cần trang bị đầy đủ các thiết bị phòng cháy chữa cháy cần thiết.

2. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản

- Lưu trữ trong thùng kín tại nơi khô ráo, thoáng mát, riêng biệt và thông gió tốt. Sử dụng kệ hoặc tủ vững chắc, đủ để chịu trọng lượng của các hóa chất. Hãy chắc chắn rằng kệ không quá tải. Không tẩy rửa, sử dụng thùng chứa vì mục đích khác. Những thùng chứa khi hết vẫn có thể gây hại vì chúng chứa cặn và hoi. Tránh xa các chất như là chất ôxi hóa, kim loại, axit, kiềm, độ ẩm. Tuân thủ các cảnh báo và hướng dẫn cho sản phẩm. Không lưu trữ cùng các chất dễ gây ra phản ứng cháy nổ như đã nêu trên. Cần trang bị đầy đủ các thiết bị phòng cháy chữa cháy cần thiết. Bảo quản ở nhiệt độ từ 5°C đến 30°C

VIII. TÁC ĐỘNG LÊN NGƯỜI VÀ YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

1. Các biện pháp hạn chế tiếp xúc cần thiết (thông gió hoặc biện pháp giảm nồng độ hơi, khí trong khu vực làm việc, các biện pháp cách ly, hạn chế thời giờ làm việc...): Cung cấp hệ thống thông gió thoát hơi hoặc các biện pháp kiểm soát kỹ thuật để giữ nồng độ hơi trong không khí dưới ngưỡng cho phép.

2. Các phương tiện bảo hộ cá nhân khi làm việc

- Bảo vệ mắt: mang kính , mặt nạ chống độc
- Bảo vệ thân thể: quần áo chống hóa chất
- Bảo vệ tay: mang găng tay thích hợp
- Bảo vệ chân : mang ủng (giày bảo vệ chân)

3. Phương tiện bảo hộ trong trường hợp xử lý sự cố: mag đầy đủ BHLĐ**4. Các biện pháp vệ sinh** (tắm, khử độc...): tắm rửa sạch sẽ sau khi tiếp xúc**IX. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT**

Trạng thái vật lý: thể rắn

Điểm sôi (°C):

Màu sắc : màu trắng trong

Điểm nóng chảy (°C): 100°C

Mùi đặc trưng : không mùi

Điểm bùng cháy (°C) (Flash point) theo phương pháp xác định:

Áp suất hóa hơi (mm HG) ở nhiệt độ áp suất tiêu chuẩn:	Nhiệt độ tự cháy ($^{\circ}\text{C}$):
Tỷ trọng hơi (Không khí=1) ở nhiệt độ áp suất tiêu chuẩn:	Giới hạn nồng độ cháy, nổ trên (% hỗn hợp với không khí):
Độ hòa tan trong nước: 965 g/l ,	Giới hạn nồng độ cháy, nổ dưới (% hỗn hợp với không khí):
Độ pH: 4 - 6 (50 g/l, H_2O ở 20°C)	Tỷ lệ hóa hơi: 1,97 g / cm^3 (20°C)
Khối lượng riêng (kg/m^3): 800 -1000 kg/m^3	Các tính chất khác nếu có: trọng lượng phân tử : 287,54 g/mol

X. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG HOẠT ĐỘNG CỦA HÓA CHẤT

- Tính ổn định:** Ổn định ở điều kiện sử dụng và lưu trữ
- Khả năng phản ứng:** Chưa có thông tin
- Phản ứng nguy hiểm** (ví dụ: ăn mòn, cháy nổ...): Chưa có thông tin
- Các điều kiện cần tránh** (ví dụ: tĩnh điện, rung, lắc...): Tránh đun nóng, tia lửa, các ngọn lửa mở và các nguồn gây cháy nổ khác.
- Vật liệu không tương thích:** Các tác nhân oxy hóa mạnh.
- Phản ứng phân hủy và các sản phẩm độc của phản ứng phân hủy:** chưa có thông tin

XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Tên thành phần	Loại ngưỡng	Kết quả	Đường tiếp xúc	Sinh vật thử
Zinc Sulphate Monohydrate	LD50	1260 mg / kg	Miệng	Chuột

- Các ảnh hưởng mãn tính với người** (Ung thư, độc sinh sản, biến đổi gen...): không có thông tin
- Các ảnh hưởng độc khác:** chưa có thông tin

XII. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

Độc tính với sinh thái : không có sẵn
Mức độ phân hủy sinh học: Chưa có thông tin.
Chỉ số BOD5 và COD: không có giá trị
Sản phẩm phân hủy sinh học: các sản phẩm phân hủy ngắn hạn có thể không độc hại. Tuy nhiên về lâu dài có thể tăng nguy cơ độc hại.
Độc tính sản phẩm phân hủy : sản phẩm phân hủy không độc hại

XIII. YÊU CẦU TRONG VIỆC THẢI BỎ

- Thông tin quy định tiêu hủy:** Phải tuân thủ các quy định về chất thải nguy hiểm.
- Xếp loại nguy hiểm của chất thải:** chưa có thông tin.
- Biện pháp tiêu hủy:** Phải tuân thủ các quy định về chất thải nguy hiểm.
- Sản phẩm của quá trình tiêu hủy, biện pháp xử lý:** chưa có thông tin.

XIV. YÊU CẦU TRONG VẬN CHUYỂN

Tên qui định	Số UN	Tên vận chuyển đường biển	Loại, nhóm hàng nguy hiểm	Qui cách đóng gói	Nhãn vận chuyển	Thông tin bổ sung
Quy định về vận chuyển hàng	3077	Zinc		PG II	Chưa	

nguy hiểm của Việt Nam: - Nghị định số 104/2009/NĐ-CP ngày 09/11/2009 của Chính phủ quy định danh mục hàng nguy hiểm và vận chuyển hàng nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; - Nghị định số 29/2005/NĐ-CP ngày 10/03/2005 của Chính phủ quy định danh mục hàng hóa nguy hiểm và việc vận tải hàng hóa nguy hiểm trên đường thủy nội địa		Sulphate Monohydrate			có thông tin	
Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm quốc tế của EU,USA...	3077	Zinc Sulphate Monohydrate		PG II	Chưa có thông tin	

XV. QUY CHUẨN KỸ THUẬT VÀ QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT PHẢI TUÂN THỦ

- Tình trạng khai báo, đăng ký ở các quốc gia khu vực trên thế giới:** chưa có thông tin
- Phân loại nguy hiểm theo quốc gia khai báo, đăng ký:**
- Quy chuẩn kỹ thuật tuân thủ:**
 - Tiêu chuẩn Việt Nam : TCVN 5507:2002
 - Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất
 - Thông tư 04/2012/TT-BCT ngày 13/02/2012 của Bộ Công Thương quy định về phân loại và ghi nhãn hóa chất.

XVI. THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC

Ngày tháng biên soạn Phiếu: 02/01/2023

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất:

Tên tổ chức, cá nhân soạn thảo: CÔNG TY TNHH HOA VIỆT CHEMGROUP

Lưu ý người đọc:

Những thông tin trong Phiếu an toàn hóa chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hóa chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn. Hóa chất nguy hiểm trong Phiếu này có thể có những tính chất nguy hiểm khác tùy theo hoàn cảnh sử dụng và tiếp xúc.

Hướng dẫn bổ sung:

- Những thông tin có kèm theo từ “nếu có” được biên soạn tùy theo điều kiện cụ thể, không hàm ý bắt buộc.
- Phải ghi đầy đủ thông tin cần thiết vào các mục trong phiếu.
- Trường hợp không có thông tin, ghi cụm từ “chưa có thông tin”.
- Trường hợp thông tin không phù hợp, ví dụ: một chất rắn không bay hơi nên không có thông số áp suất hóa hơi, ghi cụm từ “không phù hợp”.
- Trường hợp các thông tin có sẵn chỉ ra mức độ không nguy hiểm tương ứng với mục từ cần ghi, ghi cụ thể, rõ ràng thông tin chỉ ra tính chất không nguy hiểm theo phân loại của tổ chức nhất định; ví dụ: thông tin về ảnh hưởng mãn tính, ghi “không được phân loại là chất gây ung thư theo OSHA, ACGIH ...”
- Đơn vị đo lường sử dụng trong phiếu áp dụng theo quy định của pháp luật.

7. Cách ghi hàm lượng thành phần

Không bắt buộc ghi chính xác hàm lượng thành phần, chỉ cần ghi khoảng nồng độ của thành phần theo quy tắc sau:

- a) Từ 0.1 đến 1 phần trăm;
- b) Từ 0.5 đến 1,5 phần trăm;
- c) Từ 1 đến 5 phần trăm;
- d) Từ 3 đến 7 phần trăm;
- đ) Từ 5 đến 10 phần trăm;
- e) Từ 7 đến 13 phần trăm;
- g) Từ 10 đến 30 phần trăm;
- h) Từ 15 đến 40 phần trăm;
- i) Từ 30 đến 60 phần trăm;
- k) Từ 40 đến 70 phần trăm;
- l) Từ 60 đến 100 phần trăm.

